

NGHỊ ĐỊNH số 136-CP ngày 29-9-1961
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ
chức bộ máy của Ủy ban Thanh tra.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Ủy ban Thanh tra của Chính phủ là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm giữ gìn kỷ luật Nhà nước bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng cách thường xuyên thanh tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách ấy trong các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính địa phương, các cơ quan chuyên môn, sự nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, các hợp tác xã.

Điều 2. — Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Thanh tra việc chấp hành những nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, chủ yếu về quản lý kinh tế.

2. Thanh tra việc thực hành cần kiệm xây dựng đất nước chống quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô.

3. Thanh tra việc xét, giải quyết các việc do nhân dân khiếu nại, tố giác.

4. Trong và sau khi thanh tra hoặc xét việc khiếu tố, Ủy ban Thanh tra nhận xét, kết luận vấn đề, đề ra kiến nghị đề cơ quan được thanh tra sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đồng thời báo cho cơ quan chủ quản cấp trên của cơ quan đó biết để theo dõi, giúp đỡ sửa chữa.

Trong khi thanh tra, nếu gặp trường hợp cán bộ phụ trách cơ quan chưa chấp hành nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, thì Ủy ban Thanh tra của Chính phủ chỉ thị cho họ chấp hành ngay và báo cho cấp trên của cơ quan đó biết để đôn đốc việc chấp hành.

Cơ quan được thanh tra có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh các kiến nghị của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ và báo cáo kết quả việc sửa chữa cho Ủy ban Thanh tra của Chính phủ theo thời gian đã ấn định. Nếu không đồng ý với những kiến nghị ấy thì phải báo ngay cho Ủy ban Thanh tra của Chính phủ biết, và báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

Khi cần thiết Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có thể tổ chức thẩm tra lại, nhằm đôn đốc cơ quan được thanh tra thi hành tốt các kiến nghị đề ra sau cuộc thanh tra.

Đối với những tổ chức hay cá nhân có thành tích, gương mẫu cần khen thưởng, và đối với tổ chức hay cá nhân phạm lỗi hoặc vi phạm pháp luật

cần xử lý, thì Ủy ban Thanh tra của Chính phủ kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

5. Trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có quyền tạm thời đình chỉ những việc đang gây hoặc sắp gây thiệt hại lớn cho tài sản của Nhà nước và quyền lợi của nhân dân, tạm thời đình chỉ công tác của cán bộ phạm lỗi nặng, trừ thành viên của Hội đồng Chính phủ, Thứ trưởng, Phó chủ nhiệm, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh.

6. Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có quyền triệu tập các hội nghị cần thiết cho công tác thanh tra, được tham dự các Hội nghị có liên quan đến công tác thanh tra; đòi hỏi các cơ quan, các cán bộ, công nhân, nhân viên báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu, sổ sách cần thiết cho công tác thanh tra.

Khi thanh tra cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm cung cấp cán bộ tham gia công tác thanh tra theo yêu cầu của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ. Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có thể yêu cầu các cơ quan hữu quan khác cử cán bộ tham gia công tác thanh tra. Trong thời gian tiến hành công tác thanh tra, số cán bộ này thuộc sự lãnh đạo của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ.

7. Chỉ đạo nghiệp vụ và hướng dẫn công tác cho các cơ quan thanh tra của các Ủy ban hành chính địa phương và của các Bộ.

8. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương tài sản, tài vụ của Ủy ban theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 3. — Tổng thanh tra Ủy ban Thanh tra của Chính phủ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ và trước Quốc hội lãnh đạo toàn bộ công tác của Ủy ban, như điều 2 đã quy định. Các Phó tổng thanh tra Ủy ban Thanh tra của Chính phủ giúp Tổng thanh tra trong việc lãnh đạo chung và có thể được Tổng thanh tra ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Ủy ban. Các Ủy viên Ủy ban Thanh tra của Chính phủ giúp Tổng thanh tra phụ trách một số công việc, hoặc một bộ phận công tác của Ủy ban.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và đề thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Tổng thanh tra ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của cơ quan Thanh tra cấp dưới đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công tác thanh tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hay của Ủy ban hành chính địa phương.

Điều 4. — Tổ chức bộ máy của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ gồm có :

- Văn phòng.
- Vụ Thanh tra nông nghiệp.

- Vụ Thanh tra công nghiệp.
- Vụ Thanh tra xây dựng cơ bản.
- Vụ Thanh tra thương nghiệp.
- Vụ Thanh tra văn hóa xã hội.
- Vụ Thanh tra xét khiếu, tố.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng và các Vụ sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Ủy ban Thanh tra của Chính phủ do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5. — Tổng thanh tra Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 29 tháng 9 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 138-CP ngày 29-9-1961
quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Bộ Thủy lợi và Điện lực.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Bộ Thủy lợi và Điện lực là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm quản lý công tác thủy lợi và điện lực theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch: diệt hạn, úng, lụt; cải tạo đất, thực hiện thủy lợi hóa từng bước, tiến tới thủy lợi hóa hoàn toàn để phục vụ cho nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc; xây dựng và phát triển các công trình điện lực, sản xuất điện kịp đáp ứng nhu cầu của công nghiệp, một phần nhu cầu của nông nghiệp, nhu cầu của nhân dân; thực hiện điện khí hóa từng bước, tiến tới điện khí hóa toàn bộ để phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân phát triển, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều 2 — Bộ Thủy lợi và Điện lực có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, thể lệ về thủy lợi và điện lực; tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chính sách, thể lệ ấy.

2. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch phát triển thủy lợi và điện lực; tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ấy.

3. Lập và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn quy hoạch trị thủy và khai thác các dòng sông lớn và vừa, quy hoạch phát triển điện lực trong toàn quốc (kết hợp với các ngành và các địa phương); tổ chức thực hiện các quy hoạch đó trong phạm vi trách nhiệm của Bộ.

Chỉ đạo các địa phương lập các quy hoạch thủy lợi tỉnh, vùng, quy hoạch các dòng sông nhỏ.

4. Tổ chức điều tra, nghiên cứu thủy văn trên mặt đất liền (trước mắt là thủy văn sông ngòi) phục vụ cho các công tác của ngành, tiến lên phục vụ cho yêu cầu của các ngành khác.

5. Quản lý công tác khảo sát, thiết kế thủy lợi, đê điều và điện lực, xây dựng các công trình thủy lợi lớn, các công trình điện lực vừa và lớn, các hệ thống đường dây điện.

Chỉ đạo công tác khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều và điện lực do địa phương đảm nhiệm.

6. Chỉ đạo công tác quản lý các hệ thống đê điều, các hệ thống nông giang.

7. Quản lý và điều hòa việc sử dụng điện để phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp phát triển và phục vụ dân sinh.

Quản lý các nhà máy điện thuộc Bộ, chỉ đạo sản xuất và kinh doanh, đảm bảo lợi tức cho các nhà máy và tích lũy vốn cho Nhà nước.

Chỉ đạo kỹ thuật các nhà máy điện thuộc các Bộ và các địa phương.

8. Hướng dẫn và giúp đỡ các nông trường xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi và điện lực, hướng dẫn các lâm trường về công tác thủy lợi, kết hợp với các ngành khác trong việc khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi.

9. Thi hành các hiệp định mà nước ta đã ký kết với nước ngoài về mặt thủy lợi và điện lực.

Trong phạm vi ủy quyền của Chính phủ, ký kết và thi hành những hiệp định về thủy lợi và điện lực với nước ngoài.

10. Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật thủy lợi và điện lực. Tiến hành hợp tác quốc tế về khoa học, kỹ thuật thủy lợi và điện lực.

11. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ, vật tư trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

Đào tạo cán bộ chuyên môn, kỹ thuật của ngành để đáp ứng nhu cầu phát triển của công tác thủy lợi và điện lực.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ và trước Quốc hội lãnh đạo toàn bộ công tác của Bộ như điều 2 đã quy định. Các Thứ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực giúp Bộ trưởng trong việc lãnh đạo chung và có thể được Bộ trưởng ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Bộ.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và đề thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng